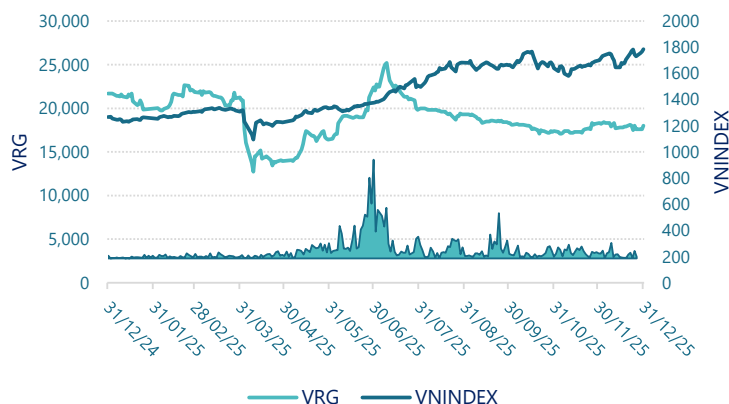


CTCP Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (UPCOM: VRG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,732
SL cổ phiếu LH	25,894,868
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,130
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	466
P/E	13.0
EPS	1,390

DT thuần

Q4/25

94.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 74.1 | 360%

YoY: ▲ 18.8 | 24.7%

LN sau thuế

Q4/25

41.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.9 | 2787%

YoY: ▲ 13.3 | 47.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

34.4%

+/- YoY: ▼ 37.6%

DT thuần

2025

134

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0 | 17.9%

LN sau thuế

2025

36.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 22.7 | -38.7%

ROE

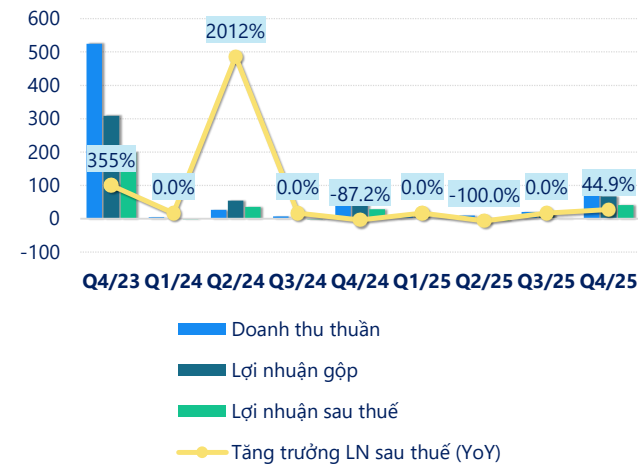
2025

9.5%

+/- YoY: ▼ 4.1%

tỷ VNĐ

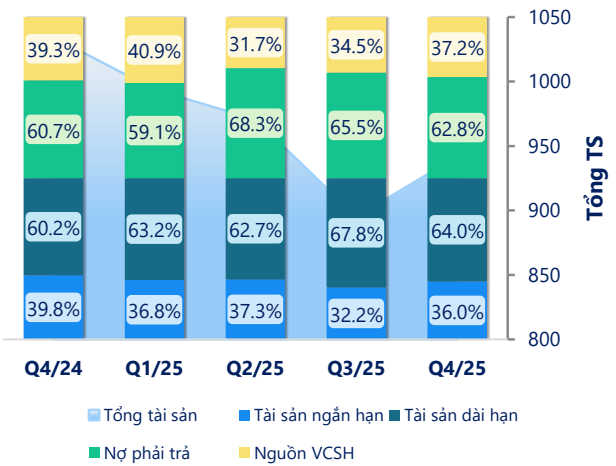
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

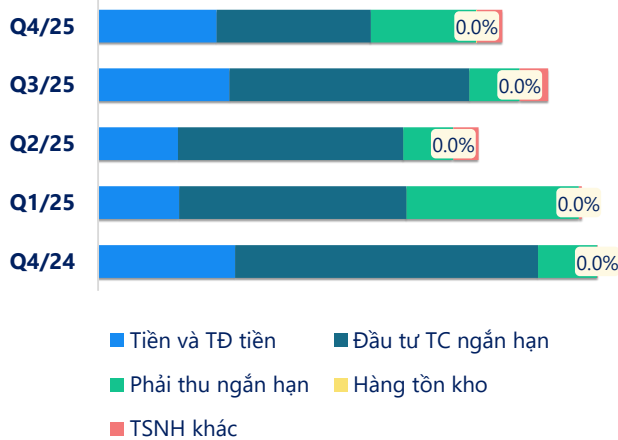
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



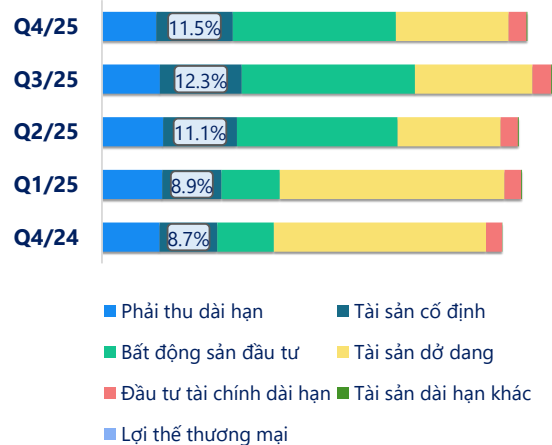
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

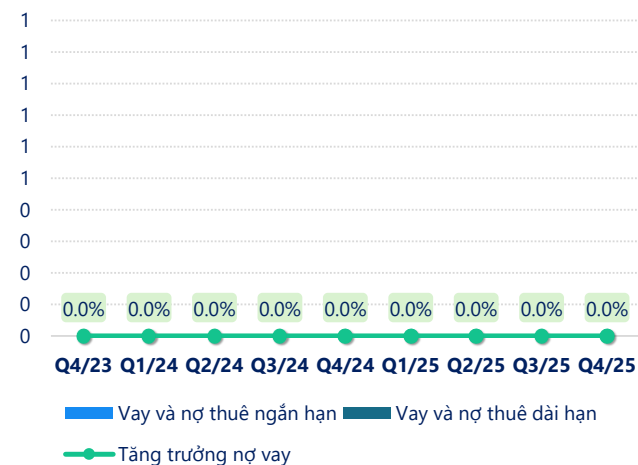
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

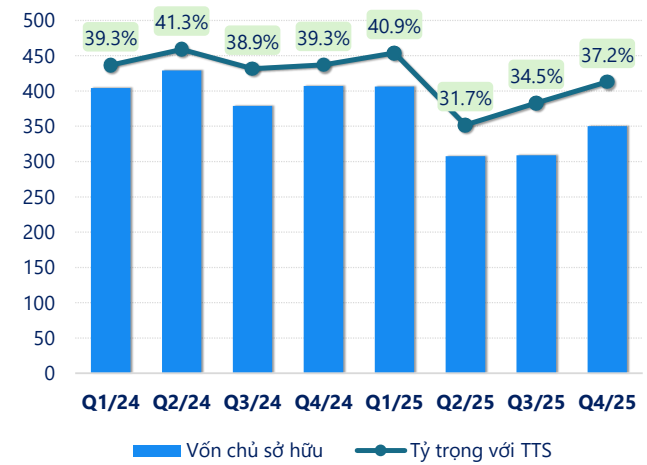
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

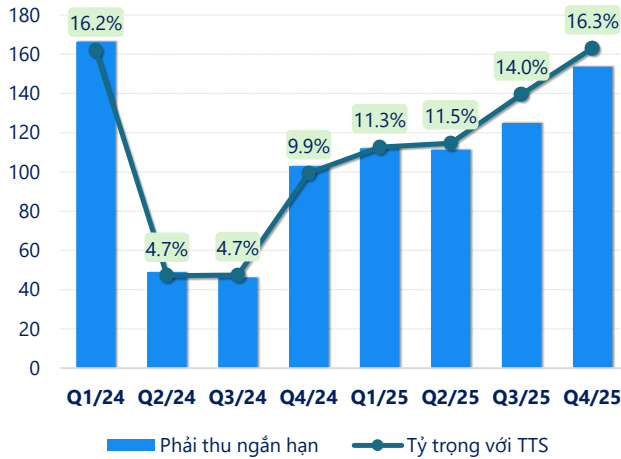
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

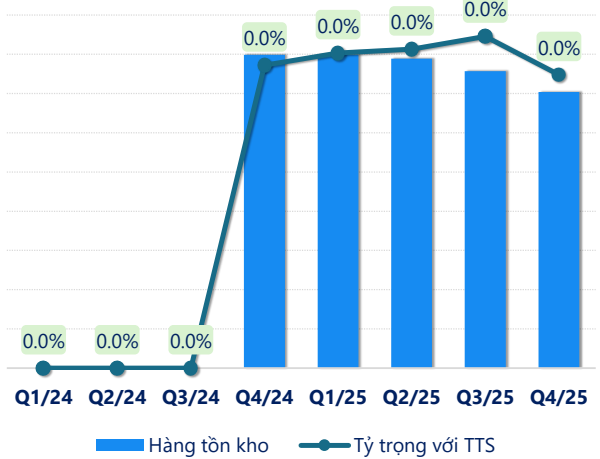
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

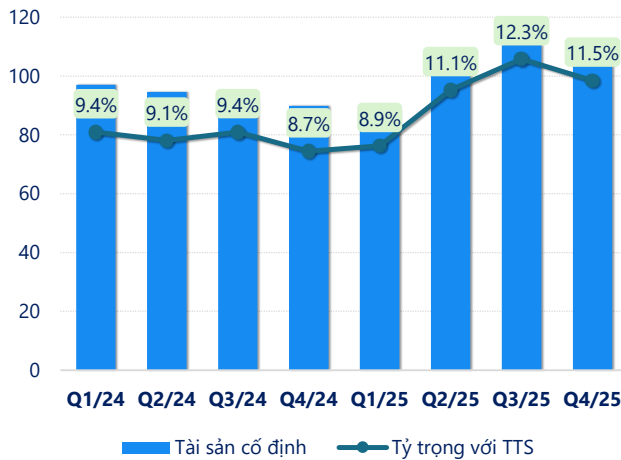
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

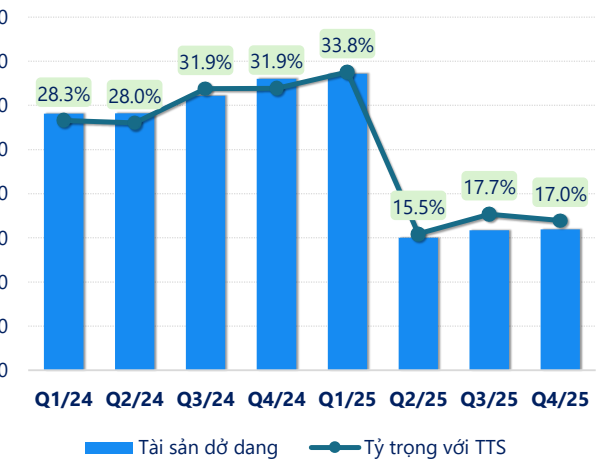
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

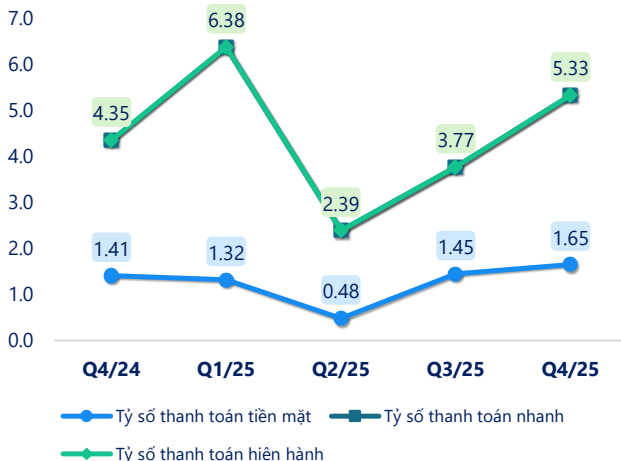
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



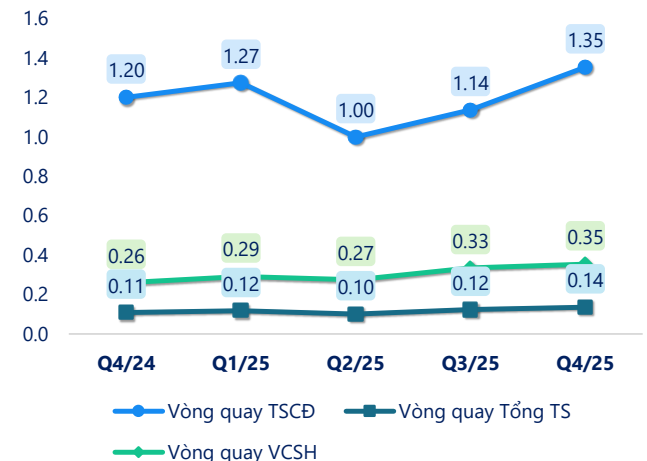
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,035	994	971	895	942
Tài sản ngắn hạn	411	366	362	289	339
Tiền và tương đương tiền	133	75.7	72.9	111	105
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	150	150	25.7	54.2
Phải thu ngắn hạn	103	112	111	125	154
Hàng tồn kho	0.16	0.16	0.16	0.15	0.14
Tài sản ngắn hạn khác	24.9	27.7	27.5	27.0	25.9
Tài sản dài hạn	623	628	609	607	603
Phải thu dài hạn	89.8	90.2	89.2	77.9	77.0
Tài sản cố định	89.8	88.4	108	110	108
Bất động sản đầu tư	87.9	87.2	235	233	231
Tài sản dở dang	330	336	150	158	160
Đầu tư tài chính dài hạn	25.1	25.3	25.3	25.3	25.3
Tài sản dài hạn khác	0.21	1.26	1.44	1.68	1.49
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	627	588	663	586	592
Nợ ngắn hạn	94.6	57.3	151	76.5	63.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	16.4	16.3	9.57	9.66
Nợ dài hạn	533	530	512	510	528
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	407	406	307	309	350
Vốn chủ sở hữu	407	406	307	309	350
Vốn điều lệ	259	259	259	259	259
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)